

Bản án số: **741/2022/HNGĐ - ST**

Ngày: 30/09/2022

“V/v tranh chấp: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Hồng Lý**.*

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Thông**.

2. Ông **Phùng Văn Tầu**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Mạnh Đức** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Chu Thị Quỳnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 09 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 578/2022/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 07 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXX-ST ngày 16 tháng 09 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị H** - sinh năm 1985; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 13, phường Y, quận Q, thành phố Hà Nội; Hiện trú tại: Phòng 3015, Chung cư Phú Thịnh Green Park, phường C, quận Q, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

- Bị đơn: **Anh Lưu Văn Đ** - sinh năm 1976; Nghề nghiệp: Không; Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 13, phường Y, quận Q, thành phố Hà Nội; Hiện đang thi hành án phạt tù tại Đội 09, phân trại I, Trại giam Thanh Lâm, Cục C10, Bộ Công an thuộc thôn Thăng Bình, thị trấn X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (anh Đ có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/05/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

* *Về tình cảm*: Chị H và anh Lưu Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, thị xã Q, tỉnh Hà Tây (nay là phường Y, quận Q, thành phố Hà Nội) vào ngày 06/09/2004.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng không có sự chia sẻ, hay có những xung đột dẫn đến bạo lực gia đình. Năm 2008 thì anh Đ phạm tội “Cướp tài sản” bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 05 năm tù, sau khi anh Đ ra trại thì cuộc sống vợ chồng anh chị vẫn xảy ra cãi vã, không thể có tiếng nói chung, gia đình đã nhiều lần can ngăn nhưng xung đột vẫn thường xuyên xảy ra. Đến năm 2013, anh Đ lại phạm tội “Giết người” bị Tòa phúc thẩm tại Hà Nội - Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt 16 năm tù, hiện anh Đ đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Lâm, Cục C10, Bộ Công an thuộc huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Đến nay chị H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâu, thời gian vợ chồng sống xa nhau đã quá dài, không còn khả năng đoàn tụ, bản thân chị H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, chị H đề nghị Tòa án nhân dân quận Hà Đông giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Lưu Văn Đ.

* *Về con chung*: Chị H và anh Đ 03 con chung là Lưu Thị Trà M (nữ) sinh ngày 28/1/2003, Lưu Vy L (nữ) sinh ngày 31/10/2005, Lưu Linh A (nữ) sinh ngày 13/08/2013. Hiện hai con là Vy L và Linh A đang ở với chị H, hai cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Ly hôn, chị H xin được nuôi cả hai con là Vy L và Linh A, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu Vy L và Linh A.

Còn đối với con chung là cháu Lưu Thị Trà M, ly hôn chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về M vì M đã thành niên, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, hiện cháu đang học Đại học Bách khoa, còn việc ở với ai do M tự quyết định.

* *Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản)*: Ly hôn chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung.

* *Về nợ*: Ly hôn chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ.

Bị đơn là anh Lưu Văn Đ: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh Đ biết. Tại bản tự khai anh Đ trình bày:

* *Về tình cảm*: Anh Đ và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, thị xã Q, tỉnh Hà Tây (nay là phường Y, quận Q, thành phố Hà Nội), sau khi kết hôn vợ chồng anh Đ về chung sống tại Tổ dân phố 13, phường Y, quận Q, thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị đôi khi xảy ra mâu thuẫn với nhau. Do có hành vi “Giết người” nên từ tháng 10/2013, anh Đ đi chấp hành án phạt tù. Hiện anh Đ đang đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Lâm, Cục C10, Bộ Công an thuộc huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Do anh Đ phải đi chấp hành án phạt tù

nên vợ chồng anh chị sống ly thân từ tháng 10/2013 đến nay. Nay chị H có đơn xin ly hôn, quan điểm của anh Đ là tình cảm vợ chồng đang còn, nên anh không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

* *Về con chung*: anh Đ xác nhận anh và chị H 03 con chung là Lưu Thị Trà M (nữ) sinh ngày 28/1/2003, Lưu Vy L (nữ) sinh ngày 31/10/2005, Lưu Linh A (nữ) sinh ngày 13/08/2013. Hiện cả ba con đang ở với chị H, các con đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Do anh đang chấp hành án phạt tù nên anh đồng ý để chị H nuôi dưỡng cả ba con, anh Đ xin được tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản)*: Ly hôn anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung.

* *Về nợ*: Ly hôn anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ.

Tại phiên Tòa:

* Chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên các ý kiến về việc xin ly hôn, về con chung, về tài sản chung, về công nợ như chị đã trình bày ở trên.

* Anh Lưu Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa, anh Đ đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án; các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa chị và anh Lưu Văn Đ. Anh Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi đi thi hành án phạt tù tại Tổ dân phố 13, phường Y, quận Q, thành phố Hà Nội, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28; 35; 39; 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Lưu Văn Đ.

2. Về con chung: Xác nhận chị H và anh Đ có 03 con chung là Lưu Thị Trà M (nữ) sinh ngày 28/1/2003, Lưu Vy L (nữ) sinh ngày 31/10/2005, Lưu Linh A (nữ) sinh ngày 13/08/2013.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị H và anh Đ: Giao cháu Lưu Vy L và Lưu Linh A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Vy L và Linh A đối với anh Đ cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu hoặc có quyết định pháp luật khác thay thế. Còn đối với cháu Lưu Thị Trà M do cháu đã thành niên, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung là cháu M, còn việc ở với ai do cháu M tự quyết định, nên không xét.

Anh Lưu Văn Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị H và anh Đ đều xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

4. Về nợ: Chị H và anh Đ đều thống nhất xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa chị và anh Lưu Văn Đ. Anh Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi đi thi hành án phạt tù tại Tổ dân phố 13, phường Y, quận Q, thành phố Hà Nội, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Do hiện tại anh Đ đang thi hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Lâm, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên không thể tham gia tố tụng tại Tòa án được. Ngày 25/8/2022, anh Đ đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Việc anh Đ xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Lưu Văn Đ.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị Nguyễn Thị H và anh Lưu Văn Đ kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, có

đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, thị xã Q, tỉnh Hà Tây (nay là phường Y, quận Q, thành phố Hà Nội) vào ngày 06/09/2004, là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị H trình bày thì: Quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, cách sống, lối sống, trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ tháng 10/2013 đến nay do anh Đ đi chấp hành án phạt tù nên vợ chồng anh chị mỗi người sống một nơi, kinh tế riêng biệt; bản thân chị H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội giải quyết cho chị được ly hôn anh Lưu Văn Đ.

Theo anh Đ trình bày thì: Anh Đ xác nhận quá trình chung sống vợ chồng anh chị đôi khi cũng xảy ra mâu thuẫn, nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên anh không đồng ý ly hôn với chị H.

Hội đồng xét xử thấy: mâu thuẫn giữa chị H và anh Đ đã kéo dài trong nhiều năm, từ tháng 10/2013 đến nay, anh Đ đi chấp hành án phạt tù nên vợ chồng anh chị mỗi người sống một nơi, kinh tế riêng biệt, khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng không có. Mặt khác, do thời gian vợ chồng anh chị phải sống xa nhau quá lâu làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ thực trạng đời sống chung và quan hệ tình cảm của chị H và anh Đ, việc chị H xin ly hôn anh Đ là phù hợp với Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” và tại khoản 2 Điều 19: “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập...”. Với điều kiện hoàn cảnh thực tế như chị H và anh Đ trình bày thì không thể có cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

[3]. Về con chung: chị H và anh Đ đều xác nhận anh chị có 03 con chung là Lưu Thị Trà M (nữ) sinh ngày 28/11/2003; Lưu Vy L (nữ) sinh ngày 31/10/2005 và Lưu Linh A (nữ) sinh ngày 13/08/2013, hiện cả ba con đang ở với chị H, các cháu đều khỏe mạnh, ngoan ngoãn, phát triển bình thường. Khi ly hôn, anh Đ đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu L, A; anh Đ xin được tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung là cháu L, A vì hiện tại anh đang đi chấp hành án phạt tù, bản thân cháu L và A cũng có nguyện vọng xin được ở với chị H. Xét sự

thỏa thuận tự nguyện của anh chị là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Còn đối với cháu Lưu Thị Trà M do cháu đã thành niên, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, ly hôn chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung là cháu M, còn việc ở với ai do cháu M tự quyết định, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[4]. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị H và anh Đ đều thống nhất xác nhận ly hôn vợ chồng anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

[5]. Về nợ: Chị H và anh Đ đều thống nhất xác nhận ly hôn vợ chồng anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Lưu Văn Đ được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 51; Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về tình cảm:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Lưu Văn Đ (chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lưu Văn Đ).

2. *Về con chung:* Xác nhận chị Nguyễn Thị H và anh Lưu Văn Đ có 03 con chung là Lưu Thị Trà M (nữ) sinh ngày 28/1/2003, Lưu Vy L (nữ) sinh ngày 31/10/2005, Lưu Linh A (nữ) sinh ngày 13/08/2013.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị H và anh Đ: Giao cháu Lưu Vy L và Lưu Linh A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Vy L và Linh A đối với anh Đ cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu hoặc có quyết định pháp luật khác thay thế. Còn đối với cháu Lưu Thị Trà M do

cháu đã thành niên, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung là cháu M, còn việc ở với ai do cháu M tự quyết định, nên Tòa không xét.

Anh Lưu Văn Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. *Về tài sản chung* (gồm động sản và bất động sản): Chị H và anh Đ đều thống nhất xác nhận ly hôn vợ chồng anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung, nên Tòa không xét.

4. *Về nợ*: Chị H và anh Đ đều thống nhất xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

5. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0010408 ngày 28 tháng 07 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

6. *Về quyền kháng cáo*: chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lưu Văn Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông;
- Cơ quan Thi hành án quận Hà Đông;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Thị Hồng Lý

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà